



INTERNATIONAL MONETARY FUND

Public Information Notice

EXTERNAL
RELATIONS
DEPARTMENT

Thông cáo thông tin đại chúng (PIN) số 05/01
PHÁT HÀNH NGAY
Ngày 5 tháng Một năm 2005

Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế
700 phố 19, NW
Oa-sinh-ton, D.C 20431 - Mỹ

Ban Giám Đốc Điều Hành IMF kết thúc đợt tham khảo theo Điều IV năm 2004 với Việt nam

Ngày 22/11/2004, Ban Giám đốc Điều hành của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã kết thúc đợt tham khảo theo Điều IV với Việt nam.¹

Chương trình PRGF 3 năm đã hết hạn vào tháng 4/2004. Trong suốt thời gian có chương trình, Việt nam đã duy trì được tỷ lệ tăng trưởng kinh tế cao, lạm phát thấp, và tiếp tục đạt được thành quả trong việc xoá đói giảm nghèo nhờ các điều kiện kinh tế vĩ mô thuận lợi cũng như tăng cường hội nhập với kinh tế thế giới thông qua tự do hoá thương mại.

Kể từ lần tham khảo Điều IV trước, nền kinh tế Việt nam phát triển tốt. Năm 2003, GDP thực tăng 7,25 %, nhờ đầu tư và xuất khẩu tăng nhanh. Tăng trưởng đã chậm lại trong Quý I năm 2004 chủ yếu là do ảnh hưởng của dịch cúm gia cầm và hạn hán ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, nhưng tăng trưởng đã bắt đầu hồi phục trong những tháng tiếp theo; sản xuất nông nghiệp đã phục hồi và sản xuất công nghiệp tăng. Lạm phát cũng tăng từ 3% cuối năm 2003 lên 10% vào tháng 9/2004 (đều trên cơ sở so sánh cùng kỳ năm trước) phản ánh sự tăng vọt của giá lương thực thực phẩm vốn chiếm khoảng một nửa trong rổ tính CPI. Tuy nhiên, kể từ tháng 7, lạm phát hàng tháng được chuyển đổi theo năm đã giảm đáng kể.

Cán cân thanh toán tổng thể của Việt nam đã được củng cố bất chấp sự gia tăng thâm hụt tài khoản vãng lai. Mặc dù xuất khẩu tăng nhanh, nhưng nhập khẩu mạnh do nhu cầu đầu tư cao đã đẩy thâm hụt tài khoản vãng lai lên 4,75% GDP năm 2003. Với việc thâm hụt được dễ dàng tài trợ bằng sự kết hợp của các luồng vốn dài hạn lớn chảy vào Việt nam và giảm tài sản có ngoại tệ của các ngân hàng trong nước, dự trữ quốc tế của Việt nam đã tăng đáng kể, đạt 5,6 tỉ USD vào cuối năm 2003 (khoảng 9 tuần nhập khẩu). Tuy nhiên, tốc độ tăng dự trữ này đã chậm lại trong 7 tháng đầu năm 2004 dù cho xuất khẩu tiếp tục tăng mạnh và nhập khẩu tăng chậm lại.

Tăng trưởng tín dụng gia tăng, và các chỉ số tiền tệ tổng hợp tiếp tục tăng nhanh. Đến cuối năm 2003, tăng trưởng tín dụng lên đến 28% và đến tháng 7/2004 tiếp tục tăng lên 36%. Tín dụng

¹ Theo Điều VI của Điều Lệ của IMF, thường là hàng năm, IMF tổ chức các cuộc thảo luận song phương với các thành viên của mình. Một nhóm cán bộ Quỹ thăm nước thành viên, thu thập các thông tin tài chính và thảo luận với các quan chức của nước đó về các chính sách và diễn biến kinh tế của nước đó. Khi trở lại trụ sở chính, các cán bộ Quỹ soạn thảo một báo cáo mà báo cáo này tạo nên cơ sở thảo luận cho Ban Giám Đốc Điều Hành. Vào phiên kết thúc của đợt thảo luận, Tổng Giám Đốc với tư cách là Chủ tịch của Ban Giám đốc, tóm tắt các quan điểm của các Giám đốc điều hành, và phần tóm tắt này được chuyển đến cho các nhà chức trách của nước thành viên.

tăng mạnh trong năm 2004 chủ yếu là do khu vực sở hữu nhà nước. Năm 2003, tiền theo nghĩa rộng tăng 25% và giữ ở mức này trong 7 tháng đầu năm 2004, phản ánh tình trạng tiền tệ hoá đang tiếp diễn. Lãi suất tiền gửi ngắn hạn bằng đồng Việt nam và lãi suất cho vay chỉ tăng nhẹ trong những tháng gần đây.

Trước sự gia tăng lạm phát và trước tốc độ tăng trưởng cao của tín dụng, các nhà chức trách đã áp dụng một số biện pháp xử lý. Chính phủ đã tăng đáng kể tỷ lệ dự trữ bắt buộc và điều chỉnh một số loại giá bị quản lý, kể cả giảm thuế cho các sản phẩm xăng dầu và thép. Gần đây, Thủ tướng Chính phủ đã ra chỉ thị yêu cầu cắt giảm chi tiêu Chính phủ và giảm cho vay của các NHTMNN, tăng cường nỗ lực của các doanh nghiệp trong việc giảm chi phí sản xuất và lưu thông cũng như thắt chặt việc tuân thủ quản lý giá cả.

Đối với cả năm 2004, tăng trưởng kinh tế và tài khoản vãng lai đối ngoại có nhiều khả năng sẽ không thay đổi so với năm 2003 với mức lạm phát từ nay đến cuối năm tiếp tục giảm và thâm hụt ngân sách được thu hẹp. Tăng trưởng GDP thực tế trong năm 2004 sẽ vào khoảng 7-7,5% nhờ sản xuất nông nghiệp đã hồi phục và sản xuất công nghiệp tăng trong 6 tháng cuối năm. Đến cuối năm, lạm phát dự tính sẽ giảm xuống 9,5% (so sánh theo cùng kỳ năm). Thâm hụt tài khoản vãng lai dự tính sẽ vào khoảng 4,5% GDP và được bù đắp bằng nguồn vốn ODA và FDI. Tuy nhiên, các luồng vốn vào ngắn hạn giảm sẽ chỉ tạo điều kiện cho sự gia tăng dự trữ ngoại tệ khiêm tốn. Những biện pháp thắt chặt các yêu cầu đối với các dự án để được sử dụng nguồn cho vay lại bằng nguồn vốn trong nước và việc cắt giảm chi tiêu dự kiến sẽ dẫn đến việc thắt chặt ngân sách hơn so với năm 2003.

Tăng trưởng kinh tế của Việt nam dự kiến sẽ tiếp tục tốt trong năm 2005 và cả những năm sau đó, với GDP thực tế sẽ tăng khoảng 7% mỗi năm. Tuy nhiên, việc đạt được thành quả này phụ thuộc vào những tiến bộ trong việc phát triển khu vực tư nhân cũng như cải cách cơ cấu, đặc biệt là trong khu vực NHTMNN và DNNN nhằm hạn chế sự gia tăng nợ khu vực công, và việc tiến tới gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vốn là một điều kiện quan trọng để đảm bảo được tăng trưởng xuất khẩu bền vững. Trong khi cải cách thương mại và phát triển khu vực tư nhân đạt được nhiều tiến bộ, thì tiến trình cải cách khu vực sở hữu nhà nước vẫn còn rất chậm.

Đánh giá của Ban Giám đốc Điều hành

Các Giám Đốc Điều Hành hoan nghênh các chính phủ Việt nam về thành tích rất tốt về việc đạt được tăng trưởng cao và giảm nghèo trong những năm gần đây, về sự quản lý kinh tế vĩ mô thận trọng và việc hội nhập ngày càng tăng của Việt Nam vào nền kinh tế toàn cầu. Các Giám Đốc đã khích lệ các nhà chức trách dựa trên những thành tựu này để duy trì động lực tăng trưởng và giảm nghèo mạnh mẽ trong thời kỳ trung hạn. Điều này sẽ xoay quanh những cải cách cơ cấu trong các khu vực chủ chốt, bao gồm tái cơ cấu các ngân hàng thương mại quốc doanh và các doanh nghiệp nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư khu vực tư nhân, đảm bảo việc gia nhập WTO và tăng cường quản trị và tính minh bạch của việc hoạch định chính sách.

Các Giám Đốc lưu ý rằng triển vọng kinh tế ngắn hạn dường như rất khả quan, miễn là các nhà chức trách có thể kiềm chế tác động của lạm phát vòng hai do những cú sốc về giá gần đây từ phía cung. Các Giám Đốc cũng hoan nghênh các nhà chức trách đã đặt mục tiêu kiềm chế những tác động này mà đã được thể hiện trong những hành động chính sách tiền tệ gần đây cùng với một số những biện pháp về hành chính và ngân sách. Các Giám Đốc cũng đã khuyến khích Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam (NHNN) thắt chặt hơn những điều kiện chính sách tiền tệ sử dụng công cụ thông thường, đặc biệt là việc tăng lãi suất nếu các biện pháp trên tỏ ra chưa đủ. Họ cũng

tư vấn Ngân Hàng Trung Ương nên xóa bỏ những mục tiêu chính sách mâu thuẫn với nhau và ngày càng dựa nhiều hơn vào các công cụ chính sách gián tiếp.

Các Giám Đốc cũng cảnh báo tốc độ tăng trưởng tín dụng nhanh hiện tại nên được giảm đi đáng kể vì chất lượng các khoản vay không rõ ràng và các bảng cân đối yếu kém của các ngân hàng. Trong khi lưu ý rằng việc tăng đáng kể tỷ lệ dự trữ bắt buộc đã làm giảm vốn khả dụng của hệ thống ngân hàng, các Giám Đốc cũng thúc giục Ngân Hàng Nhà Nước thực hiện một số biện pháp khác nếu tốc độ tăng trưởng tín dụng không giảm đi đáng kể. Họ cũng cảnh báo là việc duy trì tốc độ tăng trưởng tín dụng nhanh để đạt được mục tiêu tăng trưởng ngắn hạn của chính phủ có thể làm tăng các khoản nợ bán tài chính mà có thể là mối đe dọa đến sự bền vững của ngân sách và tăng trưởng về dài hạn.

Các Giám Đốc Điều Hành cũng đã động viên các nhà chức trách thận trọng chuyển sang chính sách tỷ giá linh hoạt hơn để tạo thuận lợi cho những điều chỉnh trước những cú sốc bên ngoài và những thay đổi nhanh về cơ cấu. Do đó, các Giám Đốc đã thúc giục các nhà chức trách hạn chế can thiệp ngoại hối để xử lý tình trạng xáo trộn. Việc này sẽ giúp củng cố vị thế dự trữ khiêm tốn của Việt Nam. Họ lưu ý rằng tăng cường tính linh hoạt về ngoại hối sẽ khuyến khích các bên tham gia thị trường quản lý những rủi ro ngoại hối, do đó tránh được những rủi ro ngoại hối nghiêm trọng trong nền kinh tế. Các Giám Đốc cũng đã khuyến khích các nhà chức trách xóa bỏ những hạn chế còn tồn tại về ngoại hối và chấp nhận những nghĩa vụ theo Điều VIII.

Các Giám Đốc cũng đã ca ngợi các nhà chức trách về việc quản lý tài khóa thận trọng trong năm 2004. Họ đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đặt các mục tiêu ngân sách cho năm 2005 và những năm sau đó nên phù hợp với sự bền vững nợ công trung hạn, có tính đến số nợ bán ngân sách hiện có và những chi phí của những cải cách khu vực tài chính. Về vấn đề này, các Giám Đốc đã nhấn mạnh đến những áp lực ngân sách có thể phát sinh từ những chi phí ngân sách cho tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước và các ngân hàng thương mại quốc doanh, sự trì trệ nguồn thu từ dầu thô và áp lực về thu ngân sách do sự tự do hóa thương mại hơn nữa. Các Giám Đốc đã khuyến khích các nhà chức trách nên bắt đầu xác định các biện pháp thuế có thể có ngoài những nỗ lực về quản lý hành chính thuế hiện đang thực hiện để đạt được mục tiêu của mình trong việc giữ mức thu ngân sách ổn định so với tổng sản lượng trung hạn. Họ kêu gọi việc ngừng trợ giá càng sớm càng tốt.

Các Giám Đốc Điều Hành đã nhấn mạnh rằng các ngân hàng thương mại quốc doanh của Việt Nam là phần rất dễ bị tổn thương của nền kinh tế do sự chiếm ưu thế của các ngân hàng này và chất lượng tài sản không rõ ràng. Họ thúc giục thúc đẩy nhanh hơn tiến độ cải cách các ngân hàng này. Các Giám Đốc hoan nghênh quyết định của các nhà chức trách về cổ phần hóa một trong bốn ngân hàng thương mại quốc doanh lớn và lưu ý rằng sáng kiến đó có thể sẽ tạo động lực thúc đẩy cải cách các ngân hàng thương mại miễn là việc cổ phần hóa cuối cùng sẽ làm cho hoạt động của các ngân hàng dựa trên cơ sở thương mại nhiều hơn. Về vấn đề này, các Giám Đốc cũng đã khuyến nghị nên cân nhắc tới việc bán một phần lớn cổ phần của ngân hàng cho một đối tác chiến lược nước ngoài, mà theo kinh nghiệm của quốc gia đã cho thấy đây là một cách hiệu quả để cải thiện kết quả hoạt động của các ngân hàng thương mại quốc doanh. Ngoài việc cổ phần hóa, họ cũng nhấn mạnh rằng vai trò sở hữu tích cực hơn của Bộ Tài Chính và các biện pháp củng cố tăng cường thanh tra giám sát NHNN là những yếu tố quan trọng đối với cải cách các ngân hàng thương mại quốc doanh. Các Giám Đốc cho rằng phát triển hơn nữa các thị trường vốn, thị trường tiền tệ và thị trường chứng khoán có thể là một phần không thể thiếu của cải cách khu vực tài chính. Họ cũng kêu gọi kiểm toán độc lập ngân hàng trung ương và tiến độ nhanh trong việc hình thành các phương tiện hữu hiệu để chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố.

Các Giám Đốc nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phát triển mạnh hơn khu vực tư nhân và cải thiện hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước để Việt Nam chuyển đổi thành công sang một nền kinh tế theo định hướng thị trường hơn. Về vấn đề này, các Giám Đốc cũng đã hoan nghênh những sáng kiến về việc giảm số lượng các khu vực chiến lược, trong đó các doanh nghiệp nhà nước do nhà nước sở hữu hoàn toàn và phát triển chương trình cổ phần hóa bao gồm cả các doanh nghiệp nhà nước lớn. Họ cũng đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tập trung vào thiết kế những kế hoạch cổ phần hóa nhằm tăng những khuyến khích thương mại đối với các những nhà quản lý doanh nghiệp, tăng tính trách nhiệm và cải thiện tình hình hoạt động. Các Giám Đốc lưu ý là sự xóa bỏ quy định phân biệt đối xử đối với các doanh nghiệp tư nhân và các biện pháp hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ đã giúp khu vực tư nhân phát triển nhanh chóng và họ cũng đã thúc giục chính phủ có những cải thiện hơn nữa thông qua việc thực hiện đầy đủ Luật Đất Đai để tạo thuận lợi cho đầu tư tư nhân, hợp nhất Luật Đầu Tư và Luật Doanh Nghiệp nhằm cải thiện một sân chơi bình đẳng.

Các Giám Đốc ủng hộ mục tiêu của Việt Nam về việc sớm trở thành thành viên của WTO và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc này đối với Việt Nam để duy trì sự tiếp cận thị trường, duy trì lâu bền luồng vốn đầu tư nước ngoài và hội nhập hơn nữa vào nền kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, họ lưu ý là gia nhập sớm đòi hỏi phải có những động thái quan trọng bao gồm cả ban hành những quy định pháp chế cần thiết.

Các Giám Đốc nhấn mạnh đến việc Việt Nam cần phải cải thiện tính minh bạch cũng như độ tin cậy và tính kịp thời của số liệu. Họ hoan nghênh việc thông qua Luật Thống Kê đã cải thiện thu thập số liệu bằng cách tăng cường sự hợp tác giữa các cơ quan, nhưng họ cũng lưu ý là thống kê kinh tế vĩ mô của Việt Nam còn có nhiều yếu kém và họ ủng hộ sự cung cấp trợ giúp kỹ thuật của Quỹ để cải thiện cơ sở thống kê.

Các Giám Đốc hoan nghênh cơ hội để rà soát lại sự tham gia trước đây của Quỹ với Việt Nam, tập trung vào thể thức PRGF Ba Năm mà đã hết hiệu lực vào Tháng 4, 2004. Họ thấy rằng Việt Nam đã đạt được việc giảm nghèo nhiều hơn thông qua sự duy trì tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ và có lạm phát thấp trong giai đoạn có chương trình PRGF. Tuy nhiên, những bài học quý báu của đánh giá hậu chương trình PRGF là cần phải có đủ thời gian cho những thay đổi về thể chế, làm cơ sở cho những cải cách cơ cấu và cần phải tăng cường sự hợp tác giữa Quỹ và Ngân Hàng Thế Giới cũng như các nhà tài trợ song phương khác. Trong khi hoan nghênh những tiến bộ rất ấn tượng về tự do hóa thương mại, các Giám Đốc lưu ý rằng tốc độ cải cách các ngân hàng thương mại quốc doanh và các doanh nghiệp nhà nước đã bị chậm lại và nhấn mạnh sự cần thiết phải có những thay đổi về thể chế cơ bản để giải quyết những yếu kém trong những khu vực này. Về mặt này thì trợ giúp kỹ thuật sẽ rất quan trọng.

Thông cáo thông tin đại chúng (PINs) là một phần trong những nỗ lực của IMF để tăng cường tính minh bạch về những quan điểm và những phân tích của IMF về những diễn biến kinh tế và chính sách. Được sự đồng ý của nước thành viên (hoặc các nước thành viên), PINs được phát hành sau khi Ban Giám Đốc Điều Hành thảo luận với các nước thành viên về Tham khảo theo Điều IV về sự giám sát những diễn biến ở mức độ khu vực, về giám sát hậu chương trình và đánh giá hậu chương trình của các nước thành viên với những thể thức chương trình dài hạn hơn. PINs cũng được phát hành sau khi Ban Giám Đốc Điều Hành thảo luận về các vấn đề chính sách chung trừ những vấn đề do Ban Giám Đốc Điều Hành quyết định trong trường hợp đặc biệt.

Việt Nam: Một Số Chỉ Số Kinh Tế Chọn Lọc, 2000-04

	2000	2001	2002	2003 Ước tính	2004 Dự báo
GDP thực (Thay đổi phần trăm hàng năm)	6.8	6.9	7.1	7.3	7-7½
Sản lượng công nghiệp	18.4	13.7	18.8	16.9	...
Lạm phát (thay đổi phần trăm hàng năm)					
Trung bình kỳ	-1.6	-0.4	4.0	3.2	7-8
Cuối kỳ	-0.5	0.7	4.0	2.9	9½
Cán cân tiết kiệm-đầu tư	2.1	2.1	-1.2	-4.7	-4.4
Tổng tiết kiệm quốc gia	31.7	33.2	32.0	30.4	31.1
Tổng đầu tư	29.6	31.2	33.2	35.1	35.5
ICOR	4.1	4.2	4.4	4.5	4.6
Ngân Sách Chính Phủ Chung					
Tổng Thu và Viện Trợ	20.5	21.6	22.2	23.4	23.3
Trong đó: Thu từ dầu thô	6.5	7.4	6.6	6.5	6.7
Tổng chi và cho vay ròng	25.5	26.6	26.8	28.4	26.8
Chi thường xuyên	15.9	16.0	15.8	17.0	16.3
Chi xây dựng cơ bản	7.4	8.4	8.2	8.4	7.8
Cho vay ròng 2/	2.2	2.2	2.7	2.9	2.7
Cân đối tài khóa (Không kê cho vay ròng)	-5.0 -2.7	-5.0 -2.8	-4.5 -1.9	-5.0 -2.0	-3.5 -0.8
Tiền tệ và tín dụng (thay đổi phần trăm theo năm, cuối kỳ)					
Tiền cung ứng (tiền theo nghĩa rộng)	39.0	25.5	17.6	24.9	...
Tín dụng cho nền kinh tế	38.1	21.4	22.2	28.4	...
Lãi suất (theo phần trăm, cuối kỳ)					
Tiền gửi kỳ hạn ba tháng (của dân cư)	4.3	5.9	7.0	6.3	...
Cho vay ngắn hạn (dưới một năm)	9.8	8.8	9.9	10.0	...
Cán cân tài khoản vãng lai (gồm cả chuyên giao chính thức) (theo triệu US\$)	642	670	-421	-1,844	-1,930
(theo phần trăm GDP)	2.1	2.1	-1.2	-4.7	-4.4
Xuất khẩu f.o.b (thay đổi phần trăm theo năm, tính theo US\$)	25.2	4.0	11.2	19.6	22.9
Nhập khẩu f.o.b. (thay đổi phần trăm theo năm, tính theo US\$)	34.5	2.3	22.1	27.9	20.1
Dự trữ ngoại hối (tính theo triệu U.S\$ cuối kỳ)					
Tổng dự trữ chính thức kê cả vàng	3,030	3,387	3,692	5,620	6,004
(Theo tuân nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ phi nhân tô của năm sau)	8.9	8.3	7.3	9.3	8.9
Dự trữ quốc tế ròng, kê cả vàng	2,191	2,555	2,956	4,683	...
Nợ nước ngoài (tính theo phần trăm GDP) 3/	38.6	37.9	34.9	34.1	34.0
Nợ đến hạn phải trả (tính theo phần trăm nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ phi nhân tô)	10.5	10.6	8.6	7.9	6.5
Tỷ giá hối đoái (đồng trên một US\$)					
Trung bình kỳ	14,170	14,806	15,272	15,514	...
Cuối kỳ	14,514	15,084	15,404	15,646	...
Tỷ giá hiệu lực thực (phần trăm thay đổi theo năm)					
Trung bình kỳ	-2.8	0.9	-0.6	-5.0	...
Cuối kỳ	2.2	1.3	-4.1	-6.2	...
Những khoản mục ghi nhớ					
GDP (tính theo ngân tỷ đồng tại giá thị trường hiện hành)	441.6	481.3	535.8	605.6	716.8
GDP tính theo đầu người (theo US\$)	401	413	440	483	537

Nguồn: Số liệu do các nhà chức trách cung cấp, các cán bộ Quỹ ước tính và dự đoán

1/ Số liệu Tháng 8, 2004 nếu không sẽ có chú thích

2/ Kê cả hoạt động của Quỹ Hỗ Trợ Phát Triển. Các nhà chức trách ghi chép nguồn vốn ODA nhận được để cho vay lại, thanh toán nợ năm trong mục trả nợ gốc

3/ Kê cả các khoản vay từ đầu tư trực tiếp nước ngoài và nợ ngắn hạn và các khoản vay của khu vực tư nhân